

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:2746 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh
đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số
144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ
Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt
Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08
tháng 12 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-
NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và
phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của
Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm
2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm
2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ và Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của
Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ
2021 – 2030, tầm nhìn 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 và Quyết
định số 612/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê
duyet Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến
năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1123/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm
2050, tầm nhìn đến năm 2075;*

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 118/TTr-SXD ngày 15 tháng 7 năm 2026 về ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
 - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
 - Bộ Xây dựng (để báo cáo);
 - TTTU, TT HĐND tỉnh;
 - Đảng ủy UBND tỉnh (để báo cáo);
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - ĐU, UBND các xã, phường, đặc khu;
 - V0-V4, các CVNCTH;
 - Báo và PTTH tỉnh (để đăng tải);
 - Lưu: VT, TH, QH.
- QĐ-45.2026

Ký bởi: Nguyễn Hoàng Tuấn

Ký bởi: Nguyễn Phúc
Vinh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Điện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh
đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075**

*(Kèm theo Quyết định số 2746 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2026 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1123/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 (*gọi tắt là Quy hoạch chung đô thị*) và các chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh có liên quan. Đảm bảo tính tuân thủ và kế thừa các chiến lược phát triển, quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng.

- Xác định nội dung trọng tâm, tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên; đồng thời xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá nhằm thu hút, khơi thông và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn (ngân sách, ngoài ngân sách) để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch chung đô thị đã đề ra.

- Xác định danh mục, tiến độ triển khai lập mới hoặc điều chỉnh tổng thể các cấp độ quy hoạch bao gồm: quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị. Xác định trách nhiệm chủ trì và phối hợp của các đơn vị trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước quy hoạch.

- Dự kiến nhu cầu vốn hằng năm cho công tác tổ chức lập và thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn; đề xuất các cơ chế chính sách bố trí, huy động nguồn lực thực hiện công tác quy hoạch theo kế hoạch được lập đảm bảo phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh;

- Tạo cơ sở pháp lý và thực tiễn cho các cơ quan có thẩm quyền tổ chức công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch; bảo đảm tỷ lệ phủ kín các loại hình quy hoạch, tránh chồng lấn ranh giới quy hoạch, gây lãng phí nguồn lực.

2. Yêu cầu

- Tính tuân thủ và đồng bộ pháp lý quy hoạch: Đảm bảo sự thống nhất tuyệt đối giữa các cấp độ quy hoạch, Các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch

chi tiết, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật và không gian ngầm phải tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, khung định hướng tổ chức không gian và các khu vực hạn chế phát triển đã được xác định tại Quyết định số 1123/QĐ-TTg, phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng và Quy hoạch tỉnh được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Xác định ranh giới và phủ kín quy hoạch đô thị: Phân định rõ phạm vi, ranh giới nghiên cứu của từng phân khu và cấp độ quy hoạch, đảm bảo lộ trình phủ kín quy hoạch đô thị trên toàn địa bàn. Tuyệt đối tránh tình trạng chồng lấn ranh giới giữa các đồ án hoặc tạo ra các khoảng trống pháp lý trong quản lý quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng.

- Ưu tiên định hướng phát triển hạ tầng khung và mô hình đô thị hiện đại: Tập trung triển khai các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp nước, cao độ nền, thoát nước) và quy hoạch không gian ngầm làm cơ sở cho việc đầu tư đồng bộ. Ưu tiên các khu vực phát triển theo mô hình đô thị bọt biển, mô hình (TOD) gắn với các trục giao thông chiến lược và các tiêu chuẩn đô thị xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tổ chức thực hiện công tác lập quy hoạch theo hướng chuyên nghiệp, phân định rõ trách nhiệm của các đơn vị tổ chức; xác định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm chủ trì, phối hợp của từng cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác tổ chức thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch:

- + Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực I và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực II là cơ quan tổ chức triển khai thực hiện lập các quy hoạch phân khu cấp tỉnh có phạm vi liên quan đến 2 đơn vị hành chính trở lên (trừ các phân khu thuộc ranh giới khu kinh tế), phát huy năng lực quản lý dự án chuyên ngành trong quản lý, kiểm soát tiến độ và chất lượng hồ sơ tư vấn.

- + Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh: Chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức triển khai lập, phê duyệt các quy hoạch phân khu thuộc ranh giới khu kinh tế, khu công nghiệp theo quy định;

- + UBND cấp xã: Chủ trì lập quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng (trừ khu công nghiệp) có phạm vi nằm hoàn toàn trong 01 địa giới hành chính; chủ trì lập quy hoạch chung xã ngoài khu vực phát triển đô thị, đảm bảo kế thừa và phù hợp với định hướng chung của toàn đô thị;

- + Sở Xây dựng: Chủ trì thẩm định, giám sát kỹ thuật, tham gia ý kiến và hướng dẫn chuyên môn để đảm bảo các lớp quy hoạch khớp nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan đô thị;

- + Các sở chuyên ngành khác thực hiện vai trò quản lý nhà nước, hướng dẫn và thẩm định chuyên môn theo quy định.

- Công tác tổ chức thực hiện phải bảo đảm chất lượng quy hoạch, đúng tiến độ đề ra. Hồ sơ quy hoạch phải được thực hiện đầy đủ các thành phần bản giấy và hồ sơ điện tử theo quy định, tích hợp dữ liệu GIS để phục vụ quản lý

không gian số. Việc lập kế hoạch hằng năm phải xác định cụ thể nhu cầu vốn, nguồn lực thực hiện và tiến độ phê duyệt, đảm bảo tính khả thi và làm cơ sở pháp lý cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn

Nhằm cụ thể hóa Quy hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, kế hoạch tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết để làm cơ sở quản lý xây dựng và triển khai dự án đầu tư. Dự kiến khoảng 70 phân khu đô thị và khu chức năng, 18 quy hoạch chung xã và 10 quy hoạch chuyên ngành khác.

a) Quy hoạch phân khu đô thị và khu chức năng:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực I (Ban KVI): Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện lập các quy hoạch phân khu cấp tỉnh từ đô thị Hạ Long về phía Tây: 10 phân khu.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực II (Ban KVII): Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện lập các quy hoạch phân khu cấp tỉnh từ đô thị Cẩm Phả về phía Đông: 6 phân khu.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh: Chủ trì tổ chức lập 43 quy hoạch phân khu thuộc phạm vi quản lý, bao gồm các phân khu trong khu kinh tế và các khu công nghiệp nằm ngoài khu kinh tế. Căn cứ yêu cầu quản lý, tiến độ triển khai và phương thức đầu tư, việc tổ chức lập quy hoạch được thực hiện theo lộ trình phù hợp; trường hợp cần thiết, phân kỳ thành các tiểu khu hoặc dự án thành phần để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong quá trình triển khai.

- UBND các phường, xã: Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện lập các phân khu đô thị, các phân khu chức năng có phạm vi nằm hoàn toàn trong 01 địa giới hành chính: 10 phân khu.

- Sở Xây dựng: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn; chủ trì hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra, giám sát quá trình lập quy hoạch và thẩm định các đồ án quy hoạch phân khu, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch có liên quan.

b) Quy hoạch chung xã:

Giao UBND các xã (ngoài khu vực phát triển đô thị tập trung) tổ chức lập 18 đồ án quy hoạch chung xã, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh, quy hoạch ngành và định hướng phát triển hệ thống hạ tầng khung của tỉnh; bảo đảm đáp ứng các tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị:

Tổ chức lập quy hoạch chi tiết cho các khu vực có nhu cầu đầu tư ngay, các khu vực nút giao TOD và các không gian công cộng trọng điểm. Việc lập quy hoạch chi tiết phải tuân thủ mật độ xây dựng và tầng cao theo Quy chế quản lý kiến trúc và Quy hoạch chung đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(Danh mục cụ thể các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xã tại phụ lục II kèm theo).

2. Lập quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật và không gian ngầm

Để đảm bảo tính kết nối liên thông và hiện đại, căn cứ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 17; Điều 34; khoản 1 Điều 35; các khoản 1, 2 và 5 Điều 45 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Kế hoạch xác định danh mục các quy hoạch chuyên ngành cần triển khai ngay trong giai đoạn 2026-2030:

- Sở Xây dựng chủ trì tổ chức lập: Quy hoạch giao thông vận tải; Quy hoạch cấp nước; Quy hoạch cao độ nền và thoát nước; Quy hoạch không gian ngầm trên phạm vi toàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì: Quy hoạch quản lý chất thải rắn và nghĩa trang (Sở Xây dựng phối hợp).

- Các đồ án này phải tích hợp đầy đủ dữ liệu GIS để phục vụ quản lý đô thị thông minh.

3. Danh mục các chương trình, đề án trọng tâm và dự án ưu tiên đầu tư

- **Các đề án cơ chế chính sách:** Tập trung hoàn thiện Đề án thành lập thành phố Quảng Ninh (2026), Đề án cơ chế đặc thù cho Đặc khu Vân Đồn (2026), Khu hợp tác kinh tế qua biên giới (2026-2027), Đề án phát triển đô thị thông minh (2026-2027)... *(Phụ lục I kèm theo).*

- **Dự án hạ tầng khung:** Ưu tiên các dự án giao thông đối ngoại (cao tốc, đường sắt tốc độ cao), hạ tầng cửa khẩu, logistics và các công trình xử lý môi trường tập trung....

- **Danh mục các dự án có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội:** Định hướng danh mục các dự án/nhóm dự án có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội theo các ngành, lĩnh vực *(Phụ lục III kèm theo).*

- Phân kỳ thực hiện:

- + **Giai đoạn 2026-2028:** Hoàn thiện các lớp quy hoạch phân khu cấp tỉnh và hạ tầng kết nối chiến lược.

- + **Giai đoạn 2026-2030:** Tiến hành triển khai đầu tư, thu hút đầu tư các dự án trọng điểm, ưu tiên.

- + **Giai đoạn 2030-2040:** Phát triển hoàn thiện chuỗi đô thị ven biển và các khu vực TOD động lực tăng trưởng:

- . Phát triển hoàn thiện chuỗi đô thị ven biển: tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ, hiện đại và thông minh cho các đô thị hạt nhân gồm: Quảng Yên, Cẩm

Phả, Quảng Hà và Móng Cái. Ưu tiên triển khai triển khai các quy hoạch phục vụ các dự án động lực về công nghiệp, năng lượng, cảng biển, logistics, khai thác và chế biến than; bảo đảm đồng bộ giữa quy hoạch với kế hoạch đầu tư công, kế hoạch sử dụng đất và chương trình phát triển đô thị

- . Hạ tầng giao thông: gắn kết chặt chẽ phát triển đô thị với hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn (mô hình TOD).

- . Đột phá kinh tế biển: triển khai các cơ chế, chính sách vượt trội để phát triển Đặc khu Vân Đồn, tạo sự đột phá mạnh mẽ về kinh tế biển và dịch vụ cao cấp mang tầm quốc tế.

+ **Giai đoạn 2040 - 2050:** Mở rộng không gian và kết nối vùng đô thị

- . Mở rộng và hoàn thiện chuỗi đô thị: tiếp tục thu hút các nhu cầu phát triển mới, hoàn thiện cấu trúc đô thị đa cực, đa trung tâm đã định hình ở giai đoạn trước.

- . Kết nối chặt chẽ với mạng lưới đô thị vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Thủ đô Hà Nội để tạo nên một không gian phát triển đồng nhất, năng động.

- . Phát triển giao thông công cộng: mở rộng tối đa mạng lưới giao thông công cộng ra các khu vực phát triển đô thị tập trung, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi cho mọi người dân.

+ **Giai đoạn ngoài 2050 (Tầm nhìn đến năm 2075):** Đô thị bản sắc, sinh thái và hiện đại

- . Hoàn thiện không gian đô thị đạt đến sự kết hợp hài hòa, bền vững giữa không gian đô thị và nông thôn; giữa các khu vực phát triển mới và các khu vực cải tạo, chỉnh trang.

- . Hình thành một đô thị Quảng Ninh có bản sắc riêng biệt, xanh, sinh thái, thích ứng hoàn toàn với biến đổi khí hậu.

- . Hệ thống cơ sở hạ tầng được hiện đại hóa toàn diện, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng sống cao của một thành phố mang tầm quốc tế.

4. Xác định nguồn lực và cơ chế huy động thực hiện.

- Vốn ngân sách: Ưu tiên bố trí vốn cho công tác lập quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu và các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối.

- Vốn xã hội hóa: Xây dựng cơ chế thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển các khu chức năng, khu kinh tế số và các tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao.

- Đất đai: Quản lý chặt chẽ quỹ đất dự trữ cho quốc phòng, an ninh và các khu vực hạn chế phát triển (vùng lõi di sản, rừng tự nhiên, rừng đặc dụng).

5. Công tác tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch.

- **Công bố quy hoạch:** Tổ chức công bố công khai hồ sơ quy hoạch (bao gồm mã QR và dữ liệu số) để người dân và nhà đầu tư cùng giám sát...

- **Chế độ báo cáo:** Định kỳ hằng năm (trước ngày 20/12), các đơn vị thực hiện (Ban KVI, Ban KVII, BQL KKT, UBND cấp xã) phải gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch về Sở Xây dựng để tổng hợp trình UBND tỉnh.

- **Kiểm tra, thanh tra:** Tăng cường kiểm tra việc thực hiện theo đồ án đã duyệt, kiên quyết xử lý các sai phạm về ranh giới và mật độ xây dựng đã xác định trong quy hoạch chung.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác điều hành và phối hợp chung

- Sở Xây dựng: Cơ quan thường trực, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn; chịu trách nhiệm quản lý tổng thể về không gian, kiến trúc, cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật đô thị. Chủ trì thẩm định các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch không gian ngầm theo thẩm quyền, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch chung đô thị.

- Sở Tài chính: Chủ trì tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách hằng năm cho công tác lập quy hoạch và đầu tư hạ tầng khung. Giám sát tiến độ giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn theo các giai đoạn phân kỳ 2030, 2040 và 2050.

- Các sở, ban, ngành chuyên môn: Chịu trách nhiệm về các nội dung quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý (như Công Thương, giao thông, nông nghiệp, y tế, giáo dục...) và tham gia ý kiến chuyên môn sâu trong quá trình thẩm định các đồ án quy hoạch cấp dưới để đảm bảo tính tích hợp.

2. Trách nhiệm thực hiện lập quy hoạch

a) Sở Xây dựng:

- Thường xuyên cập nhật, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hoặc theo yêu cầu tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu UBND tỉnh kiến nghị, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổng hợp, tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các Ban Quản lý, UBND các xã, phường, đặc khu, rà soát các quy hoạch đã được duyệt, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh bổ sung kế hoạch thực hiện quy hoạch chung, kịp thời đề xuất điều chỉnh hoặc hủy bỏ các quy hoạch đã quá thời hạn, không còn phù hợp với quy hoạch cấp trên và không bảo đảm tính khả thi.

b) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực I và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực II:

- Chủ trì tổ chức triển khai lập các quy hoạch phân khu cấp tỉnh (trừ các phân khu thuộc ranh giới khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế) theo danh mục tại Phụ lục II.

- Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định; quản lý việc thực hiện hợp đồng tư vấn, bảo đảm chất lượng, tiến độ lập quy hoạch phân khu theo Kế hoạch hằng năm và 05 năm, đáp ứng mục tiêu phủ kín quy hoạch phân khu.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình lập quy hoạch, bảo đảm thống nhất các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và đồng bộ với định hướng phát triển hệ thống hạ tầng khung theo Quy hoạch chung đô thị.

c) Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh: Chủ trì tổ chức lập, quản lý các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi các khu kinh tế đã được thành lập và khu công nghiệp.

d) UBND các xã, phường, đặc khu (UBND cấp xã):

- Chủ trì tổ chức lập quy hoạch phân khu đô thị, phân khu chức năng thuộc địa giới hành chính của mình; lập quy hoạch chung xã cho 18 đơn vị cấp xã nằm ngoài khu vực phát triển đô thị tập trung.

- Chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng, công bố công khai các đồ án quy hoạch đã phê duyệt tại trụ sở để nhân dân và nhà đầu tư giám sát.

3. Chế độ thông tin, báo cáo và giám sát

- Công bố quy hoạch: Các cơ quan được giao tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai nội dung Quy hoạch chung đô thị và Kế hoạch thực hiện theo quy định, và niêm yết tại các trụ sở chính quyền địa phương; ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu GIS, mã QR và các hình thức phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, khai thác thông tin quy hoạch.

- Báo cáo định kỳ: Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, các cơ quan, đơn vị được giao tổ chức lập quy hoạch theo Kế hoạch này có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Trên cơ sở kết quả thực hiện, Sở Xây dựng chủ trì rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh danh mục, lộ trình và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn.

- Kiểm tra, giám sát: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan thanh tra tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi xây dựng sai quy hoạch hoặc chồng lấn ranh giới gây lãng phí nguồn lực.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, mâu thuẫn giữa các cấp độ quy hoạch hoặc các vấn đề liên quan đến phạm vi, ranh giới quy hoạch, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kịp thời báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết; không lồng ghép nội dung này trong báo cáo định kỳ./.

PHỤ LỤC I
MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ/ Đề án	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Đề án thành lập thành phố Quảng Ninh trực thuộc trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh	Sở Nội vụ	2026	
2	Đề án nghiên cứu, đánh giá tổng thể những vấn đề về thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đối với các đặc khu kinh tế trên cả nước (tích hợp vào dự án Luật Phát triển đô thị)	Sở Tài chính	2026	Phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp
3	Đề án thí điểm thành lập khu kinh tế số và tri thức tự do	Ban Quản lý khu kinh tế	2026	
4	Đề án cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc	Ban Quản lý Khu kinh tế	2026 - 2027	Phối hợp Bộ Công Thương, Bộ Tài chính
5	Đề án Phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 – 2030	Phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	Đề án xây dựng và phát triển thành phố Quảng Ninh trong kỷ nguyên mới	Sở Tài chính	2026	
7	Đề án phát triển kinh tế di sản, sản phẩm du lịch đêm và công nghiệp văn hóa	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2026	
8	Đề án bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị Di sản thế giới vịnh Hạ Long - Yên Tử, gắn với vịnh Bái Tử Long	Ban Quản lý di sản thế giới vịnh Hạ Long – Yên Tử	2026	
9	Đề án thành lập Công viên biển Bái Tử Long	Ban Quản lý di sản thế giới vịnh Hạ Long – Yên Tử	2026	
10	Đề án phát triển kinh tế đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030	Sở Xây dựng	2026	

STT	Nhiệm vụ/ Đề án	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
11	Đề án thành lập và điều chỉnh các khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy hoạch cấp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2028 – 2030	Phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12	Đề án/Kế hoạch thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) phát triển kinh tế tầm thấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2027	
13	Đề án phát triển Đô thị thông minh Quảng Ninh đến năm 2030	Sở Xây dựng	2026 – 2027	Phối hợp Bộ Xây dựng
14	Đề án quy hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu Quảng Ninh đến năm 2030	Sở Xây dựng/ Sở Nông nghiệp và môi trường	2026 – 2028	Phối hợp Bộ Xây dựng
15	Đề án quy hoạch giao thông công cộng và phát triển đô thị theo mô hình TOD	Sở Xây dựng	2026 – 2028	Phối hợp Bộ Xây dựng
16	Đề án điều chỉnh ranh giới và sáp nhập Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh vào Khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô – Đồng Văn	Ban Quản lý khu kinh tế	2026 - 2027	

Ghi chú: Danh mục, tên gọi các đề án, chương trình trong Phụ lục này được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cụ thể trong quá trình triển khai. Danh mục tại Phụ lục này và danh mục các chương trình, đề án thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của UBND tỉnh được áp dụng đồng thời làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện và không làm ảnh hưởng đến việc triển khai các nhiệm vụ đã được giao.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH PHÂN KHU, QUY HOẠCH CHUNG XÃ VÀ QUY HOẠCH KHU CHỨC NĂNG

(Kèm theo Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
A	Quy hoạch phân khu đô thị - khu chức năng				
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực I (Ban KVI)				
1.1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 1 - Khu vực Tây đô thị Đông Triều	phường Đông Triều, An Sinh, Bình Khê, Mạo Khê	9.046	Ban KVI	Quý III/2026
1.2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 2 - Khu vực Đông đô thị Đông Triều	phường Bình Khê, Mạo Khê, Hoàng Quế	6.680	Ban KVI	Quý III/2026
1.3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 3+5 - Khu vực Yên Tử	phường An Sinh, Bình Khê; Yên Tử, Vàng Danh	40.775	Ban KVI	Quý III/2026
1.4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 4 - Khu vực Nam đô thị Uông Bí	Phường Yên Tử, Vàng Danh, Uông Bí	5.866	Ban KVI	Quý III/2026
1.5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 9 - Khu vực phía Bắc đô thị Quảng Yên	Phường Đông Mai, Hiệp Hòa, Hà An	4.451	Ban KVI	Quý III/2026
1.6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 10 - Khu vực Tây đô thị Quảng Yên	Phường Quảng Yên, Hà An, Liên Hòa, Phong Cốc, Đông Mai	5.994	Ban KVI	Quý III/2026
1.7	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 11 - Khu vực Nam đô thị Quảng Yên	Phường Hà An, Liên Hòa, Quảng Yên	11.562	Ban KVI	Quý III/2026

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
1.8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 12 - Khu vực Tây đô thị Hạ Long	Phường Tuần Châu, Việt Hưng, Bãi Cháy	14.656	Ban KVI	Quý III/2026
1.9	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 13 - Khu vực Đông đô thị Hạ Long	Phường Hạ Long, Hồng Gai, Hà Lâm, Hà Tu, Cao Xanh	10.696	Ban KVI	Quý III/2026
1.10	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 14 - Khu vực Bắc vịnh Cửa Lục	Phường Hoàn Kiếm, Xã Thống Nhất	11.240	Ban KVI	Quý III/2026
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực II (Ban KVII)				
2.1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 17 - Khu vực Nam đô thị Cẩm Phả	Phường Quang Hanh, Cẩm Phả, Cửa Ông	9.116	Ban KVII	Quý III/2026
2.2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 18 - Khu vực Bắc đô thị Cẩm Phả	Phường Mông Dương, Cửa Ông, Cẩm Phả, Quang Hanh	19.321	Ban KVII	Quý III/2026
2.3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 19 - Khu vực Đông đô thị Cẩm Phả	Phường Cửa Ông, Mông Dương, Xã Hải Hòa	5.334	Ban KVII	Quý III/2026
2.4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 26 - Đô thị Quảng Hà	Xã Quảng Hà, Đường Hoa, Quảng Đức	3.140	Ban KVII	Quý III/2026
2.5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 32 - Đô thị Đầm Hà	Xã Đầm Hà, Quảng Tân	4.104	Ban KVII	Quý III/2026
2.6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Tổ hợp thương mại - dịch vụ du lịch - sân golf - thể thao tại xã Lương Minh	Xã Lương Minh	6.968	Ban KVII	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
3	Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh (BQL KKT)				
3.1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 6.1 - Khu vực Tây Bắc Khu kinh tế ven biển Quảng Yên	Phường Yên Tử, Uông Bí	965	Nhà đầu tư	Hoàn thành trước 05/8/2026
3.2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 6.2 - Khu vực Tây Bắc Khu kinh tế ven biển Quảng Yên	Phường Yên Tử	446	BQL KKT	Quý III/2026
3.3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 6.3 - Khu vực Tây Bắc Khu kinh tế ven biển Quảng Yên	Phường Uông Bí	1.104	BQL KKT	Quý III/2026
3.4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 7.1 - Khu vực Đông Bắc Khu kinh tế ven biển Quảng Yên	Phường Hiệp Hòa, Uông Bí	1.472	BQL KKT/Nhà đầu tư	Quý III/2026
3.5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 7.2 - Khu công nghiệp Sông Khoai	Phường Hiệp Hòa, Đông Mai	724	Nhà đầu tư	Đã có quy hoạch ¹
3.6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 7.3 - Khu vực Đông Bắc Khu kinh tế ven biển Quảng Yên	Phường Đông Mai, Hà An	1.692	BQL KKT	Quý III/2026
3.7	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 8.1 - Khu vực Nam Khu kinh tế ven biển Quảng Yên	Phường Phong Cốc	538	BQL KKT	Quý III/2026
3.8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 8.2 - Khu công nghiệp phía Bắc Đầm Nhà Mạc	Phường Phong Cốc	1.380	Nhà đầu tư	Hoàn thành trước 05/8/2026
3.9	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 8.3 - Khu công nghiệp Bạch Đằng	Phường Liên Hòa	268	Nhà đầu tư	Đã có quy hoạch ²
3.10	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 8.4 - Khu công nghiệp phía Nam Đầm Nhà Mạc	Phường Liên Hòa	1.802	Nhà đầu tư	Hoàn thành trước 05/8/2026
3.11	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 8.5 - Khu công nghiệp	Phường Liên Hòa	415	Nhà đầu tư	Đã có quy hoạch ³

¹ Phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 30/3/2017, điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 15/9/2021, Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 158/QĐ-BQLKKT ngày 08/7/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh

² Phê duyệt tại Quyết định số 4079/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 87/QĐ-BQLKKT ngày 24/9/2021, Quyết định số 526/QĐ-BQLKKT ngày 26/12/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh.

³ Phê duyệt tại Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 08/3/2016, phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 4350/QĐ-UBND ngày 06/11/2017, Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 và Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 của UBND tỉnh; phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 171/QĐ-BQLKKT ngày 29/7/2025, Quyết định số

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	Nam Tiền Phong				
3.12	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 8.6 - Khu công nghiệp Bắc Tiền Phong	Phường Phong Cốc, Liên Hòa	1.448	Nhà đầu tư	Đã có quy hoạch ⁴
3.13	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 8.7 - Khu vực Nam Khu kinh tế ven biển Quảng Yên	Phường Phong Cốc, Liên Hòa	633	BQL KKT	Quý III/2026
3.14	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 8.8 - Khu công nghiệp phía Đông sông Rút	Phường Phong Cốc	415	Nhà đầu tư	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập
3.15	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 20 - Khu vực Cái Rồng	Khu vực Cái Rồng, đảo Cái Bầu, Đặc khu Vân Đồn	3.193	BQL KKT	Đã có quy hoạch ⁵
3.16	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 21 - Khu vực Sân Bay Vân Đồn	Khu vực Sân bay Vân Đồn, đảo Cái Bầu, Đặc khu Vân Đồn	8.779	BQL KKT	Đã có quy hoạch ⁶
3.17	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 22 - Khu vực Bắc Cái Bầu	Khu vực Bắc Cái Bầu, Đặc khu Vân Đồn	7.141	BQL KKT	Đã có quy hoạch ⁷
	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 23 - Khu vực Đông Bắc	Khu vực Đông Bắc			

352/QĐ-BQLKKT ngày 10/12/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh

⁴ Phê duyệt tại Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 và phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 4349/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh; phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 182/QĐ-BQLKKT ngày 08/8/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh;

⁵ UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 24/9/2020, điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 và Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 01/11/2024.

⁶ UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 và Quyết định số 3832/QĐ-UBND ngày 02/11/2021, điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 24/10/2022, Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 30/5/2025; Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 13/01/2026 và Quyết định số 192/QĐ-BQLKKT ngày 22/6/2026.

⁷ UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 09/10/2020.

⁸ UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 05/QĐ-BQLKKT ngày 13/01/2026 và Quyết định số 191/QĐ-BQLKKT ngày 22/6/2026.

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	Bắc Cái Bàu	Cái Bàu, Đặc khu Vân Đồn			
3.19	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 24 - Khu vực đồi núi Cái Bàu	Khu vực Cái Bàu, Đặc khu Vân Đồn	7.033	BQL KKT	Đã có quy hoạch ⁹
3.20	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 25 - Khu vực quần đảo Vân Hải	Khu vực hải đảo Đặc khu Vân Đồn	25.756	BQL KKT	Đã có quy hoạch ¹⁰
3.21	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 27 - Đô thị Quảng Hà	Xã Quảng Hà, Đường Hoa, Quảng Đức	6.334	BQL KKT	Đã có quy hoạch (gồm: QHPK KCN- Đô thị Hải Hà 1; QHPK KCN- Đô thị Hải Hà 2; QHPK Khu vực thị trấn Quảng Hà; QHPK Khu B3.1 - Khu đô thị dịch vụ tại xã Quảng Hà) ¹¹
3.22	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 28 - Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà	Xã Quảng Hà, Cái Chiên	4.988	BQL KKT	Đã có quy hoạch ¹²

⁹ UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 01/11/2024.

¹⁰ Một số đảo đã có quy hoạch phân khu được duyệt: (1) QHPK Khu vực đảo Đồng Chén (UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 12/7/2021); (2) QHPK Khu vực đảo Minh Châu - Quan Lạn (UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 08/02/2022); (3) QHPK Khu vực đảo Ngọc Vũng (UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/02/2022); (4) QHPK Khu vực đảo Vạn Cảnh (UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 20/5/2022); (5) QHPK Khu vực đảo Thê Vàng (Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 188/QĐ-BQLKKT ngày 19/8/2025); (6) QHPK Khu vực đảo Trà Bân (Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 174/QĐ-BQLKKT ngày 30/7/2025); (7) QHPK Khu vực đảo Cống Đông - Cống Tây (Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 82/QĐ-BQLKKT ngày 31/3/2026).

¹¹ (1) Quy hoạch phân khu KCN- Đô thị Hải Hà 1 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 13/01/2025; (2) Quy hoạch phân khu KCN- Đô thị Hải Hà 2 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 13/01/2025; (3) Quy hoạch phân khu Khu vực thị trấn Quảng Hà đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; (4) Quy hoạch phân khu Khu B3.1 đã được Ban QLKKT phê duyệt tại Quyết định số 194 /QĐ-BQLKKT ngày 22/6/2026.

¹² Phê duyệt tại Quyết định số 4086/QĐ-UBND ngày 21/12/2015; điều chỉnh cục bộ tại các Quyết định số 5228/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 và số 3286/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh;

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
3.23	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 29 - Khu vực Tây đô thị Móng Cái	Phường Móng Cái 2, Móng Cái 3	15.185	BQL KKT	Đã có quy hoạch (gồm: QHPK: A1, A2, A4.1, A4.2, C1.1) ¹³
3.24	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 30 - Khu vực Đông đô thị Móng Cái	Phường Móng Cái 1	9.128	BQL KKT	Đã có quy hoạch (gồm: QHPK A1, A2, A3, A5.1&5.2, A6) ¹⁴
3.25	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 31 - Khu vực đảo Cái Chiên, Vĩnh Thực	Đảo Vĩnh Thực, Đảo Cái Chiên	7.712	BQL KKT	Đã có quy hoạch (gồm: QHPK khu D1 - đảo Vĩnh Trung, Vĩnh Thực và QHPK khu D2 - đảo Cái Chiên) ¹⁵
3.26	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 36 - Đô thị Hoành Mô	Xã Hoành Mô	1.999	BQL KKT	Đã có quy hoạch ¹⁶
3.27	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 37 - Khu cửa khẩu Bắc Phong Sinh	Xã Quảng Đức	673	BQL KKT	Quý III/2026
	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 44 - Khu chức năng			UBND xã Đầm	Khu vực dự trữ phát

¹³ (1) Quy Hoạch phân khu A1 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 13/10/2022, được Ban QLKKT phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 196 /QĐ-BQLKKT ngày 22/6/2026; (2) Quy Hoạch phân khu A2 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 13/10/2022, được Ban QLKKT phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 197 /QĐ-BQLKKT ngày 22/6/2026; (3) Quy Hoạch phân khu A4.1 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 01/11/2024; (4) Quy Hoạch phân khu A4.2 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 24/8/2021.

¹⁴ (1) Quy Hoạch phân khu A1 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 13/10/2022, được Ban QLKKT phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 196 /QĐ-BQLKKT ngày 22/6/2026; (2) Quy Hoạch phân khu A2 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 13/10/2022, được Ban QLKKT phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 197 /QĐ-BQLKKT ngày 22/6/2026; (3) Quy Hoạch phân khu A5.1 và A5.2 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 22/01/2025; (4) Quy Hoạch phân khu A6 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 21/01/2025.

¹⁵ (1) Quy hoạch phân khu D1 - đảo Vĩnh Trung, Vĩnh Thực đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 22/10/2025, được Ban QLKKT phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 195 /QĐ-BQLKKT ngày 22/6/2026; (2) Quy hoạch phân khu D2 - đảo Cái Chiên đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 21/01/2025.

¹⁶ UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 15/9/2015

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	công nghiệp biển Đầm Hà			Hà	triển, lập QH khi có nhu cầu triển khai dự án
3.29	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 45 - Khu công nghiệp biển Quảng Hà	Xã Quảng Hà, Cái Chiên, Đường Hoa	3.195	BQL KKT	Khu vực dự trữ phát triển, lập quy hoạch khi có nhu cầu triển khai dự án
3.30	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 46 - Khu công nghiệp biển Quảng Hà - Móng Cái	Xã Quảng Hà, Hải Ninh, Vĩnh Thực, Phường Móng Cái 3. Móng Cái 2	13.041	BQL KKT	Khu vực dự trữ phát triển, lập quy hoạch khi có nhu cầu triển khai dự án
3.31	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 47 - Khu du lịch hồ Tràng Vinh	Xã Hải Sơn	3.016	BQL KKT	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập
3.32	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Đông Đông Triều	Phường Đông Triều, An Sinh	270	Nhà đầu tư	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập
3.33	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Tây Đông Triều	Phường Đông Triều	190	Nhà đầu tư	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập
3.34	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Đông Triều 2 mở rộng	Phường Hoàng Quế, Yên Tử	1.231	Nhà đầu tư	Một phần đã có quy hoạch ¹⁷ /phần còn lại sẽ do nhà đầu tư được lựa chọn tổ chức lập
3.35	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Hoành Bồ	Phường Hoành Bồ	800	Nhà đầu tư	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập
3.36	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Việt Hùng 2	Phường Hoành Bồ,	500	Nhà đầu tư	Một phần đã có quy hoạch ¹⁸ / phần còn lại

¹⁷ Phê duyệt tại Quyết định số 283/QĐ-BQLKKT ngày 28/10/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh

¹⁸ Phê duyệt tại Quyết định số 98/QĐ-BQLKKT ngày 06/4/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
					sẽ do nhà đầu tư được lựa chọn tổ chức lập
3.37	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Cẩm Phả 1	Phường Mông Dương	400	Nhà đầu tư	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập
3.38	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Cẩm Phả 2	Phường Cửa Ông	228	Nhà đầu tư	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập
3.39	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Tiên Yên	Xã Đông Ngũ	350	Nhà đầu tư	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập
3.40	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Đông Triều	Phường Hoàng Quế	178	Nhà đầu tư	Đã có quy hoạch ¹⁹
3.41	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Đông Mai	Phường Đông Mai	318	Nhà đầu tư	Đã có quy hoạch ²⁰
3.42	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Việt Hưng	Phường Việt Hưng	295	Nhà đầu tư	Đã có quy hoạch ²¹
3.43	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Cái Lân ²²	Phường Việt Hưng	69	Nhà đầu tư	Đã có quy hoạch
4	UBND phường, xã				
4.1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 15 - Khu vực Tây Bắc đô thị Hạ Long	Phường Hoành Bồ	12.608	UBND phường Hoành Bồ	Quý III/2026
4.2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 16 - Khu vực Đông	Xã Thống Nhất	21.272	UBND xã Thống	Quý III/2026

¹⁹ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh, phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 532/QĐ-BQLKKT ngày 31/12/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh

²⁰ phê duyệt tại Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 17/4/2008, điều chỉnh tại Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 25/11/2016, Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 07/3/2019, Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh; phê duyệt điều chỉnh, mở rộng tại Quyết định số 165/QĐ-BQLKKT ngày 17/7/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh

²¹ phê duyệt tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 26/01/2007 và điều chỉnh tại Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 18/10/2016, Quyết định số 5232/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 07/5/2021, Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của UBND tỉnh; điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 257/QĐ-BQLKKT ngày 08/10/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh.

²² Phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 24/QĐ-BQLKKT ngày 30/01/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	Bắc đô thị Hạ Long			Nhất	
4.3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 33 - Đô thị Tiên Yên	Xã Tiên Yên	4.479	UBND xã Tiên Yên	Quý III/2026
4.4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 34 - Đô thị Ba Chẽ	Xã Ba Chẽ	808	UBND xã Ba Chẽ	Quý III/2026
4.5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 35 - Đô thị Bình Liêu	Xã Bình Liêu	2.092	UBND xã Bình Liêu	Quý III/2026
4.6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 38 - Đô thị Cô Tô	Đặc khu Cô Tô	5.031	UBND đặc khu Cô Tô	Quý III/2026
4.7	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 40 - Khu chức năng thuộc xã Hải Hòa	Xã Hải Hòa	2.434	UBND xã Hải Hòa	Khu vực dự trữ phát triển, lập quy hoạch khi có nhu cầu triển khai dự án
4.8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 41 - Khu du lịch gắn với bảo tồn Đồng Rui	Xã Hải Lạng	5.738	UBND xã Hải Lạng	2027-2028
4.9	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 42 - Khu chức năng thuộc xã Hải Lạng	Xã Hải Lạng	3.766	UBND xã Hải Lạng	Khu vực dự trữ phát triển, lập quy hoạch khi có nhu cầu triển khai dự án
4.10	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu 43 - Khu du lịch - sân gôn Núi Cuống	Xã Đầm Hà	3.477	UBND xã Đầm Hà	Sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập
5	Các đơn vị khác				
5.1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Tổ hợp giáo dục đào tạo, công viên tri thức toàn cầu.	Phường Tuần Châu, Việt Hưng	500	Nhà đầu tư	Quý III/2026
B	Quy hoạch chung xã				Trước 31/3/2027
1	Quy hoạch chung xã Quảng La	Xã Quảng La	16.567	UBND xã	2026-2027

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Quy hoạch chung xã Lương Minh	Xã Lương Minh	22.528	UBND xã	2026-2027
3	Quy hoạch chung xã Kỳ Thượng	Xã Kỳ Thượng	27.350	UBND xã	2026-2027
4	Quy hoạch chung xã Ba Chẽ	Xã Ba Chẽ	33.268	UBND xã	2026-2027
5	Quy hoạch chung xã Hải Hòa	Xã Hải Hòa	9.587	UBND xã	2026-2027
6	Quy hoạch chung xã Hải Lạng	Xã Hải Lạng	13.103	UBND xã	2026-2027
7	Quy hoạch chung xã Tiên Yên	Xã Tiên Yên	13.787	UBND xã	2026-2027
8	Quy hoạch chung xã Điền Xá	Xã Điền Xá	24.049	UBND xã	2026-2027
9	Quy hoạch chung xã Bình Liêu	Xã Bình Liêu	22.529	UBND xã	2026-2027
10	Quy hoạch chung xã Lục Hồn	Xã Lục Hồn	10.503	UBND xã	2026-2027
11	Quy hoạch chung xã Hoành Mô	Xã Hoành Mô	13.791	UBND xã	2026-2027
12	Quy hoạch chung xã Quảng Tân	Xã Quảng Tân	18.481	UBND xã	2026-2027
13	Quy hoạch chung xã Đông Ngũ	Xã Đông Ngũ	14.280	UBND xã	2026-2027
14	Quy hoạch chung xã Đầm Hà	Xã Đầm Hà	14.243	UBND xã	2026-2027
15	Quy hoạch chung xã Đường Hoa	Xã Đường Hoa	22.038	UBND xã	2026-2027
16	Quy hoạch chung xã Quảng Đức	Xã Quảng Đức	13.148	UBND xã	2026-2027
17	Quy hoạch chung xã Hải Sơn	Xã Hải Sơn	13.204	UBND xã	2026-2027
18	Quy hoạch chung xã Hải Ninh	Xã Hải Ninh	9.318	UBND xã	2026-2027
C	Quy hoạch không gian ngầm và quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật (nếu cần)				
1	Quy hoạch giao thông vận tải	Toàn tỉnh		Sở Xây dựng	2028-2030
2	Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước	Toàn tỉnh		Sở Xây dựng	2028-2030
3	Quy hoạch Cao độ nền và thoát nước	Toàn tỉnh		Sở Xây dựng	2028-2030
4	Quy hoạch Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	Toàn tỉnh		Sở NN&MT chủ trì, Sở Xây dựng phối hợp	2028-2030
5	Quy hoạch không gian ngầm	Toàn tỉnh		Sở Xây dựng	2028-2030
D	Quy hoạch chuyên ngành khác				
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích quốc gia đặc biệt			BQL di sản thể	2026-2028

STT	Tên quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	Danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh			giới vịnh Hạ Long - Yên Tử	
2	Quy hoạch Di sản thế giới Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc			BQL di sản thế giới vịnh Hạ Long - Yên Tử	2026-2030
3	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Yên Tử			BQL di sản thế giới vịnh Hạ Long - Yên Tử	2026-2028
4	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Nhà Trần			BQL di sản thế giới vịnh Hạ Long - Yên Tử	2026-2030
5	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Bạch Đằng			BQL di sản thế giới vịnh Hạ Long - Yên Tử	2026-2030
E	Tổng số 98 quy hoạch²³				

Ghi chú: Tên gọi chính xác, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chung xã sẽ được xác định ở giai đoạn triển khai cụ thể.

²³ 32 Quy hoạch lập mới, hoàn thành trong quý III/2026; 20 Quy hoạch đã có quy hoạch được phê duyệt, phù hợp QHC đô thị Quảng Ninh còn hiệu lực; 10 Quy hoạch sau khi được lựa chọn, nhà đầu tư sẽ tổ chức lập; 05 Quy hoạch Khu vực dự trữ phát triển, lập quy hoạch khi có nhu cầu triển khai dự án; 18 QHC xã thực hiện hoàn thành trước ngày 31/3/2027 theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh; các quy hoạch còn lại thực hiện theo giai đoạn, lộ trình 2026-2030

PHỤ LỤC III
DANH MỤC DỰ ÁN CÓ VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Dự án/Nhóm dự án	Thời gian	Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
I	Giao thông vận tải			
1	Xây dựng hệ thống giao thông quốc gia đến các trung tâm kinh tế, hành chính, chính trị của tỉnh; kết nối đến các khu kinh tế, khu công nghiệp; kết nối đến các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh; kết nối đến các trung tâm đô thị	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đoạn Hải Phòng - Hạ Long	Trước năm 2030	Ngân sách nhà nước	
3	Dự án Đường sắt Hạ Long - Móng Cái.	Trước năm 2030	Ngân sách nhà nước	
4	Dự án Đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh	2026 - 2029	Vốn ngoài ngân sách; ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng theo quy định	
5	Bến cảng Vạn Ninh, Vạn Gia	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
6	Khu bến Cẩm Phả (Cảng Con Ong - Hòn Nét)	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
7	Khu bến Yên Hưng	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
8	Dự án Cảng biển Hải Hà	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
9	Dự án Khu nhà chứa và bảo dưỡng, sửa chữa máy bay (Hangar) thuộc Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
10	Trung tâm logistic cảng biển, hàng không chuyên dụng, cửa khẩu, đường sắt	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	

STT	Dự án/Nhóm dự án	Thời gian	Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
11	Các khu neo đậu kết hợp tránh, trú bão phục vụ tàu thuyền neo chờ, tránh trú bão, bảo đảm an toàn hàng hải	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
II	Năng lượng			
12	Dự án điện gió trên bờ và gần bờ, điện mặt trời	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
13	Dự án hạ tầng phân ngành Than để có hiệu suất cao hơn và giảm tác động môi trường	2026-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
III	Công nghiệp chế biến, chế tạo			
14	Dự án sản xuất công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, thiết bị điện - điện tử, cơ khí chính xác, ô tô, xe điện, thiết bị vận tải, thiết bị năng lượng, công nghiệp số, logistics công nghiệp, công nghiệp môi trường và công nghiệp phục vụ kinh tế biển	2026 – 2030	Vốn ngoài ngân sách	
15	Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật KCN có trong quy hoạch, chưa lựa chọn nhà đầu tư hoặc tại khu vực chưa có nhà đầu tư: KCN Hải Hà, KCN Hải Yên, KCN Việt Hưng 2, các KCN phía Nam Đầm Nhà Mạc, các KCN phía Bắc Đầm Nhà Mạc, KCN phía Tây Sông Khoai, các KCN Uông Bí, KCN Bắc Cái Bàu, KCN và dịch vụ logistics Vạn Ninh, KCN Hải Hà 1, KCN Hải Hà 2, KCN phía Đông sông Rút, KCN Cẩm Phả 1, KCN Cẩm Phả 2, các KCN Đông Triều 2, Tiên Yên, KCN phía Nam sông Lục Lâm, KCN Hoành Bồ, KCN Tây Đông Triều, KCN Đông Đông Triều	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
IV	Đô thị -Thương mại			
16	Xây dựng các đô thị Hạ Long, Cẩm Phả, Quảng Yên, Móng Cái, Uông Bí, Đông Triều, Vân Đồn	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	

STT	Dự án/Nhóm dự án	Thời gian	Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
17	Các trung tâm thương mại đa năng, tổng hợp tích hợp, tổng hợp đa chức năng tại khu vực Hạ Long, Móng Cái, đặc khu Vân Đồn	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
18	Xây dựng Trung tâm Triển lãm và Thương mại quốc tế	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
V	Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số			
19	Trung tâm đổi mới sáng tạo	2026-2028	Vốn ngoài ngân sách	
20	Khu công nghệ cao	2027-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
21	Khu Công nghệ số tập trung	2026-2030	Vốn ngoài ngân sách	
22	Trung tâm dữ liệu lớn	2027-2030	Vốn ngoài ngân sách	
23	Tổ hợp giáo dục và công viên tri thức toàn cầu	2027-2030	Vốn ngoài ngân sách	
VI	Văn hóa - Thể thao - Du lịch			
24	Trường quay phim (cổ trang, phim giả tưởng)	2028 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
25	Xây dựng Tổ hợp biểu diễn thực cảnh	2027 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
26	Xây dựng Nhà hát tỉnh	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

STT	Dự án/Nhóm dự án	Thời gian	Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
27	Xây mới, cải tạo, sửa chữa, mở rộng, nâng cấp các Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã; Nhà văn hóa – thể thao thôn, tổ dân phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
28	Xây dựng cụm công trình biểu tượng của tỉnh Quảng Ninh	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
29	Xây dựng hệ thống biển, bảng quảng cáo tầm lớn	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
30	Dự án bảo tồn, tu bổ, phát huy các giá trị di sản, di tích trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
VII	Tài nguyên, Môi trường			
31	Đầu tư bổ sung, nâng cấp, di chuyển các trạm quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục	2027-2028	Ngân sách nhà nước	
32	Xây dựng các nhà máy/khu xử lý thu gom/xử lý nước thải, rác thải, chất thải rắn	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
33	Các dự án đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải (khí thải, nước thải) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đáp ứng quy chuẩn, kỹ thuật môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh	2026 - 2030	Vốn ngoài ngân sách	
34	Dự án hồ chứa nước đảm bảo an ninh nguồn nước	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

STT	Dự án/Nhóm dự án	Thời gian	Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
VIII	Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản			
35	Dự án nuôi lợn công nghệ cao quy mô trên 500 nghìn con lợn xã Quảng Tân	2026 - 2030	Vốn ngoài ngân sách	
36	Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại xã Quảng Tân và xã Đầm Hà	2026 - 2030	Vốn ngoài ngân sách	
37	Dự án tín chỉ carbon trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	2027 - 2028	Ngân sách nhà nước	
IX	Y tế			
38	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại vị trí mới	2026-2030	Ngân sách nhà nước	
39	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh (khu vực trên đồi)	2026-2030	Ngân sách nhà nước	
40	Đầu tư xây mới khu nhà khám bệnh – Bệnh viện Bãi Cháy	2026-2030	Ngân sách nhà nước	
41	Cải tạo Bệnh viện Bãi Cháy để đầu tư hệ thống Cyclotron, PET/CT	2026-2030	Ngân sách nhà nước	
42	Đầu tư xây dựng mở rộng, nâng cấp các Bệnh viện (Đa khoa khu vực Vân Đồn, Đa khoa khu vực Cẩm Phả, Đa khoa khu vực Móng Cái, Lão khoa – Phục hồi chức năng, Sức khỏe tâm thần)	2026-2030	Ngân sách nhà nước	

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết khác của các công trình, dự án đầu tư công và ngoài ngân sách được giao các Sở, ngành, đơn vị tính toán, xác định cụ thể trong từng giai đoạn triển khai theo các quy định của pháp luật liên quan.